

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày 02/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Ngô Thị T
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn B và bà Hà Thị T
- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Thị H, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*
Ông: Trương Văn P - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/TLST-HS ngày 05/7/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 19/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Văn S; Sinh năm: 1977 tại xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Bản Pá Quăn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Hà Văn K – Đã chết và bà: Hà Thị Đ; Sinh năm: 1934. Vợ: Hà Thị T; Sinh năm: 1978. Bị can có 04 người con. Lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002. Hiện nay Mẹ, vợ và các con của bị cáo đang sinh sống bằng nghề trồng trọt tại bản Pá Quăn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1993 cùng gia đình di cư từ xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến sinh sống tại bản Pá Quăn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo nghiện chất ma túy, năm 2013 đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện số 05, đến năm 2015 trở về địa phương.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 29/01/2018 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Lương Văn Đ**, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Bản Pá Quăn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 02/12. Bố Lương Văn T, Đã chết. Mẹ Hà Thị P; Sinh năm 1944. Vợ Lục Thị H, sinh năm 1970. Bị cáo có 04 người con. Lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2001. Hiện nay mẹ, vợ và các con của bị cáo đang sinh sống bằng nghề trồng trọt tại bản Pá Quăn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo sử dụng ma túy năm 2008, năm 2013 đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện số 05, đến năm 2015 trở về địa phương.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến nay, có mặt tại tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29/01/2018 Đ đi xe mô tô đi từ nhà đến bản Khăm N - Lào gặp một người phụ nữ dân tộc Mông - Lào và mua một lượng heroin với giá 500.000 (*Năm trăm nghìn*) đồng với mục đích mang về để sử dụng và bán kiếm lời. Nhận được heroin Lương Văn Đ quay về nhà.

Cũng thời gian đó, khoảng 12 giờ ngày 29/01/2018, Lò Văn C sinh năm 1989 ở bản Co cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đưa cho Soan 100.000 (*Một trăm nghìn*) đồng để nhờ Soan đi mua giúp ma túy về sử dụng. Nhận tiền từ C, S đến nhà Định mua 01 "tép" heroin và 01 viên hồng phiến (ma túy tổng hợp) rồi đem về cho C nhưng không được Đ trả công, sau đó cả hai người chia nhau sử dụng hết tại nhà Soan.

Đến khoảng 18 giờ ngày 29/01/2018, Lò Văn C lại gọi điện thoại cho S hỏi mua heroin để sử dụng, Soan gọi điện thoại cho Đ nói có người muốn mua heroin, Đ cầm 01 cục heroin từ nhà mình đến nhà S để bán. Đến nơi, Đ cắt lấy một phần cục heroin mang theo gói lại bằng túi nilon màu trắng rồi giấu dưới sạp giường ngủ trong bếp nhà S. Khoảng 05 phút sau, C đến nhà S và đưa cho S 50.000 đồng để mua heroin, S cầm tiền đưa lại cho Đ. Đ đem số heroin đang cất giấu trong người ra cắt lấy một phần đưa cho C, tương đương với số tiền C mua, một phần đưa cho S để trả công vì đã giới thiệu người mua heroin, phần heroin còn lại Đ giấu lên gác bếp nhà S. Nhận được heroin từ Định, S đem cất đi nhằm để sau này sử dụng cho bản thân, còn C thì đem số heroin mua được chia cho S và Đ mỗi người một ít rồi cùng sử dụng luôn tại nhà So, trong quá trình sử dụng thì bị tổ công tác Công an

huyện Mường Lát đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ 50.000 đồng tiền của Đ bán ma túy cho C cùng ma túy của S được Đ trả công và qua khám xét khẩn cấp đã thu toàn bộ số ma túy của Đ cất giấu tại nhà S .

Tại bản Kết luận giám định số: 420/MT-PC54 ngày 01/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- *Chất bột màu trắng dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M1 (của Hà Văn Soan) gửi giám định là ma túy có trọng lượng 0,292g (không thấy hai chín hai gam) Loại: Heroine;*

- *Cục bột màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 (của Lương Văn Định) gửi giám định là ma túy có trọng lượng 0,674g (không thấy sáu bảy bốn gam) Loại: Heroine;*

- *Cục bột màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M3 (của Lương Văn Định) gửi giám định là ma túy có trọng lượng 1,527g (một phẩy năm hai bảy gam) Loại: Heroine.*

Tại phiên tòa hôm nay S và Đ khai nhận: Việc C nhờ S đi mua ma túy 100.000 (Một trăm nghìn) đồng vào trưa ngày 29/01/2018, S mua với Đ khi Định vừa mua bên Lào về là Đ không trả công cho S .

Tại Cơ quan CSĐT Hà Văn S và Lương Văn Đ khai nhận việc S gọi Đ đến bán heroin cho C tại nhà S đã được Đ và S trao đổi, thống nhất với nhau trước, nếu có người đến tìm mua ma túy thì S sẽ thông tin cho Đ và Đ sẽ mang ma túy đến bán nhằm mục đích kiếm lời. Bản thân S sẽ được Đ trả công mỗi khi gọi được người đến mua ma túy.

Vì vậy, trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã thay đổi Quyết định khởi tố vụ án từ dấu hiệu của tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại các Điều 249, Điều 251 và Điều 256 Bộ luật hình sự thành Tàng trữ trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 249, Điều 251 Bộ luật hình sự.

Thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với Lương Văn Định từ khoản 1 lên khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự (tội Mua bán trái phép chất ma túy).

Đối với bị can Hà Văn S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm giản đơn (người giúp sức), số ma túy bán cho Lò Văn C không phải của S , hơn thế nữa tại Điều 3 Thông tư số 08 ngày 14/11/2015 của Bộ Công an - VKSND Tối cao - TAND Tối cao - Bộ tư pháp đã bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm b tiết 7.3 mục 7 phần II Thông tư số 17 ngày 24/02/2007 của Bộ Công an - VKSND Tối cao - TAND Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương "các tội về ma túy" nhưng không quy định rõ, cụ thể nên theo nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo, Cơ quan CSĐT đã Thay đổi Quyết định khởi tố bị can

đối với Hà Văn S thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 249 và Điều 251 Bộ luật hình sự (bỏ tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy).

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS-ML ngày 05/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo:

1. Bị cáo Hà Văn S về các tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự và tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

2. Bị cáo Lương Văn Đ về tội: *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm b, điểm g khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề nghị HĐXX:

+ Về tội danh:

1. Bị cáo Hà Văn S phạm các tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự và tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

2. Bị cáo Lương Văn Đ về tội: *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm b, điểm g khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

+ Về điều luật: Áp dụng:

- Điều 17; điều **38**; Điểm s khoản 1 điều 51 cho cả hai bị cáo;

- Điều 55; điểm c khoản 1 điều 249; khoản 1 điều 251 BLHS năm 2015 cho Hà Văn Soan;

- Điểm b, điểm g khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự cho Lương Văn Định.

+ Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt các bị cáo:

1. Hà Văn S: Từ **12** (*Mười Hai*) đến **14** (*Mười bốn*) tháng tù tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; **24** đến **26** tháng tù tội *Mua bán trái phép chất ma túy*.

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành từ **36** đến **40** tháng;

2. Lương Văn Đ: Từ **07** năm **06** tháng đến **08** năm tù;

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo khó khăn về kinh tế, không có tính thực thi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng: Căn cứ điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, tuyên tịch thu tiêu hủy số heroin là mẫu vật còn lại sau giám định; Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước số tiền 50.000.000 (*Năm mươi nghìn đồng*) do bị cáo phạm tội mà có;

+ Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Các **bị cáo phải nộp án** phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng và khung hình phạt đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết chữ, đề nghị HĐXX **cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS**. Ngoài ra còn đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Ý kiến của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng tình với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định chất ma túy là loại Heroin, ý kiến của người bào chữa và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định:

Hành vi của bị cáo S làm môi giới cho Lương Văn Đ bán ma túy cho đối tượng lò Văn C, được Đ trả công bằng ma túy đã cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự và tàng trữ

0,292g (không thấy hai chín hai gam) heroin đã cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Bị cáo Đ vượt biên giới trái phép sang Lào mua **2,201g** (Hai thấy hai không một gam) heroin đem về Việt Nam nhằm mục đích bán kiếm lời. Bị cáo đã bán cho S một lần 100.000 đồng; cho C một lần tại nhà Soan 50.000 đồng đã cấu thành tội: *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm b, điểm g khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ.

[3] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo S nhằm mục đích sử dụng là nguy hiểm cho bản thân và xã hội. Bị cáo S còn tham gia mua bán chất ma túy cùng với Lương Văn Đ đã xâm phạm chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà Nước, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Vụ án có đồng phạm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng là đồng phạm giản đơn, Soan chỉ là người giúp sức cho Định, số ma túy không phải là của S. Các bị cáo đều là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

Cả hai bị cáo đều sử dụng ma túy, nhân thân xấu. Năm 2013 cả hai đã được đưa đi cai nghiện tập trung. Năm 2015 trở về địa phương, không lấy đó làm bài học mà còn tái nghiện dẫn đến hành vi phạm tội nên phải chịu sự trừng phạt thỏa đáng để răn đe và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Với tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội. Xử bị cáo hình phạt tù giam tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung;

- Hình phạt bổ sung: Bản thân các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ma túy, kinh tế khó khăn, không có tính thực thi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] *Về vật chứng trong vụ án:*

- Số ma túy mẫu vật còn lại sau trích mẫu giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Tịch thu sung công quỹ số tiền 50.000.000 đồng do phạm tội mà có.

Tất cả vật chứng kê trên đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

[6] *Đánh giá về những vấn đề khác:*

- Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lò Văn C đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

- Theo lời khai của bị cáo Đ, người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo thì Cơ quan CSĐT cấp có thẩm quyền sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ thì xử lý trong một vụ án khác.

[7]. *Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các bị cáo có tội nên **phải nộp tiền** án phí HSST và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật:

- Căn cứ: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 cho cả hai bị cáo;

- Căn cứ: Điều 55, Điều 58; Điểm c khoản 1 điều 249; khoản 1 điều 251 BLHS năm 2015 cho bị cáo Hà Văn S.

- Căn cứ: Điểm b, điểm g khoản 2 điều 251 BLHS năm 2015 cho bị cáo Lương Văn Đ.

Về tội danh:

1. Bị cáo Hà Văn S phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Bị cáo Lương Văn Đ phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về Hình phạt: Xử phạt bị cáo:

1. Hà Văn S :

+ Hình phạt chính: **01 (Một)** năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và **02 (Hai)** năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tổng hợp cả hai tội bị cáo Soan phải thi hành **03 (Ba)** năm tù

Thời gian chấp hành hình phạt tù của hai bị cáo tính từ ngày tạm giữ (29/01/2018)

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

2. Lương Văn Đ :

+ Hình phạt chính: **07 (Bảy)** năm **06 (Sáu)** tháng tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ (29/01/2018)

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật còn lại sau giám định đựng trong phong bì do phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lưu Bình Nguyên, Lê Kim Anh Tuấn và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, phong bì còn nguyên vẹn;

+ Tịch thu sung công quỹ 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên: **Mỗi bị cáo nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng** tiền án phí HSST.

Về kháng cáo và kháng nghị: Căn cứ điều 331; điều 333 và điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, nếu không tự nguyện thì bị cưỡng chế theo điều 9 luật THADS, thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H.MườngLát;
- Các bị cáo;Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T

